

Số: ~~37~~.../BC-CT

Sơn Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương
Kỳ báo cáo: Năm 2018

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số nội dung giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương báo cáo đánh giá tình hình tài chính năm 2018 như sau:

1/ Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

- Vốn chủ sở hữu: 25.142,99 triệu đồng, trong đó: Vốn góp của chủ sở hữu là 24.587,26 triệu đồng, Quỹ đầu tư phát triển: 555,736 triệu đồng;
- Tổng tài sản: 30.095,29 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 897,58 triệu đồng
- Hiệu quả sử dụng vốn:
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là: 3,57%
 - + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 2,98%

2/ Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư dự án: Trồng, chăm sóc năm 1: 3.795 triệu đồng; chăm sóc năm 2: 656 triệu đồng; chăm sóc năm 3: 151 triệu đồng; bảo vệ rừng: 951 triệu đồng

b) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: không

c) Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Tổng số vốn đã huy động trong kỳ báo cáo: Huy động vốn vay của tổ chức tín dụng: 0 triệu đồng.

- Việc sử dụng vốn hiệu quả mang lại từ sử dụng vốn: Công ty chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng.

d) Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:

- Đối với việc đầu tư mua sắm tài sản: Các bộ phận phòng ban, đội sản xuất trên cơ sở thực tế của đơn vị khi cần sửa chữa nhà cửa mua sắm trang thiết bị, đơn vị báo cáo Giám đốc được sự nhất trí của Giám đốc các phòng ban khảo sát để lập dự trù kinh phí các phòng ban ký duyệt sau đó đơn vị thực hiện việc mua sắm trang thiết bị. số tiền mua là 56 triệu đồng

- Việc trích khấu tài sản theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Tổng số khấu hao năm 2018 là 471,87 triệu đồng

- Công ty đã ban hành quy chế quản lý nợ gửi đến các đơn vị liên quan theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Định kỳ Công ty phân loại các khoản nợ từ đó có biện pháp xử lý thu hồi triệt để. Hạch toán, mở sổ sách kế toán theo dõi công nợ chi tiết đến từng đối tượng nợ, thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả, tuy nhiên việc đối chiếu, ký xác nhận nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ theo quy định.

Đến thời điểm công nợ phải thu là 3.235,13 triệu đồng; nợ phải trả là 4.952,29 triệu đồng; công ty không có nợ quá hạn. Khả năng thanh toán nợ là 9,79 lần; hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu là 0,2 lần.

3/ Tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của của doanh nghiệp

a) Về sản lượng sản xuất

- Trồng rừng: được 472,74 ha rừng đạt 157,4 % so với kế hoạch năm (kế hoạch năm là 300 ha)

- Khai thác, tiêu thụ gỗ: 26.387 m³ so với năm 2016: 27.724,75 m³ đạt 97,39%; so với năm 2017: 26.387 m³ đạt 102,33%; so với kế hoạch 25.000m³ đạt 108,01%

b) Về các chỉ tiêu tài chính

* Tổng doanh thu 30.675,79 triệu đồng so với năm 2016: 28.345,04 triệu đồng đạt 108,2 %; so với năm 2017: 28.755,29 triệu đồng đạt 106,6 %; so với kế hoạch được giao 27.138 triệu đồng đạt 113%

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 28.711,3 triệu đồng so với năm 2016: 28.239,22 triệu đồng đạt 108,2 %; so với năm 2017: 28.711,3 triệu đồng đạt 106,42%; so với kế hoạch được giao 27.138 triệu đồng đạt 113%

+ Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ 25.873,51 triệu đồng so với năm 2016: 23.649,35 triệu đồng đạt 109,27%; so với năm 2017: 24.409,57 triệu đồng đạt 106 %; so với kế hoạch được giao 23.407 triệu đồng đạt 114,24%

+ Doanh thu hoạt động tài chính: 1,83 triệu đồng so với năm 2016: 83,7 triệu đồng đạt 2,19 %; so với năm 2017: 19,61 triệu đồng đạt 9,33%

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp 3.172,14 triệu đồng so với năm 2016: 3.241,02 triệu đồng đạt 114,74 %; so với năm 2017: 3.172,14 triệu đồng đạt 115,98%; so với kế hoạch được 3.389 triệu đồng đạt 108,56%

+ Thu nhập khác 44,38 triệu đồng so với năm 2016: 35,57 triệu đồng đạt 335%; so với năm 2017: 44,38 triệu đồng đạt 268%

+ Chi phí khác 1,05 triệu đồng so với năm 2016: 57,44 triệu đồng đạt 2,00%;

+ Lợi nhuận khác 118,09 triệu đồng so với năm 2016: -21,87 triệu đồng đạt -540%; so với năm 2017: 44,38 triệu đồng đạt 266%

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 1.122,24 triệu đồng so với năm 2016: 1.416,62 triệu đồng đạt 79,22 %; so với năm 2017: 1.193,58 triệu đồng đạt 94,02%; so với kế hoạch được 1.190 triệu đồng đạt 102,02%

+ Chi phí thuế TNDN hiện hành 224,66 triệu đồng so với năm 2016: 327,78 triệu đồng đạt 82,4 %; so với năm 2017: 238,72 triệu đồng đạt 94,11%; so với kế hoạch được 220 triệu đồng đạt 102,12%

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN 897,58 triệu đồng so với năm 2016: 1.089,24 triệu đồng đạt 137,33 %; so với năm 2017: 954,86 triệu đồng đạt 94%; so với kế hoạch được 880 triệu đồng đạt 102,0%

c) Về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời của Công ty là không cao trong 3 năm tiếp theo vì đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi mô hình hoạt động làm tăng giá trị tài sản. Được thể hiện qua chỉ tiêu:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) là 3,57%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) là: 2,98%

d) Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong kỳ báo cáo

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

- Tiền và tương đương tiền đầu kỳ là: 124,76 triệu đồng;

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 thu 44.942,93 triệu đồng và chi ra là 44.949,18 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động sản xuất kinh doanh là -6,25 triệu đồng

Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động đầu tư trong năm 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động đầu tư trong đầu là 0 triệu đồng

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm thu là 0 triệu đồng

- Dòng tiền tạo ra cho các hoạt động tài chính trong năm chi ra là 0 triệu đồng

- Số dư lưu chuyển tiền từ thuần hoạt động tài chính trong năm là 0 triệu đồng

* Cân đối dòng tiền trong năm: $124,76 - 6,25 = 118,51$ triệu đồng

* ***Dự báo về lưu chuyển tiền tệ trong năm 2018:*** Dòng tiền lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp nhưng không cao, do doanh

thu và tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh chỉ vừa đủ cho chi phí sản xuất kinh doanh số dư lưu chuyển tiền từ các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp thấp.

4/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế. Số thuế đã nộp năm 2018: 960,42 triệu đồng

- Công ty phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ theo đúng điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Số tiền lợi nhuận sau thuế phân phối năm 2018 là: 954,87 triệu đồng, trong đó: Quỹ đầu tư phát triển là 269,27 triệu đồng, Quỹ thưởng ban quản lý là 36,75 triệu đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 595,46 triệu đồng. Số tiền chi cho khen thưởng phúc lợi là: 679,03 triệu đồng, chi quỹ thưởng ban điều hành công ty là: 66,94 triệu đồng.

5/ Tình hình chấp hành chế độ chính sách và pháp luật trong đánh giá tuân thủ và chấp hành các quy định

Công ty chấp hành về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn Nhà nước có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Chấp hành chế độ về thu nộp thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ và đúng quy định; chấp hành tốt các chế độ, chính sách về thuế, tài chính, chi trả tiền lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định như:

- Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế
- Tiền lương, ăn ca cho người lao động: 5.702,31 triệu đồng
- Và các chính sách khác của người lao động như: Kinh phí Công đoàn, bảo hiểm các loại, chế độ thai sản: 1.866,83 triệu đồng
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước nộp thuế: 960,43 triệu đồng

6/ Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp

Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các kiến nghị của Kiểm toán điều chỉnh quyết toán theo biên bản của kiểm toán, thực hiện theo kết luận của kiểm tra tài chính, thực hiện theo kết luận của kiểm tra thuế và ý kiến của kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp khi kiểm tra, thanh tra.

7/ Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Đến thời điểm 31/12/2018, Doanh nghiệp đã thực hiện song công tác kiểm kê, xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Chủ tịch UBND tỉnh đã phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 26/10/2017). UBND tỉnh đã ra Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án chuyển đổi, sắp xếp Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Sơn Dương thành công ty TNHH hai thành viên lâm nghiệp Sơn Dương. Hiện nay UBND tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết

số 124/QĐ-UBND về việc điều động và cử người đại diện phần vốn tại Công ty TNHH lâm nghiệp Sơn Dương.

8/ Kết luận:

- Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, của các Sở ban ngành tỉnh Tuyên Quang, Đảng ủy khối Doanh nghiệp tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương, đồng thời được phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và UBND các xã Thị trấn trên địa bàn huyện Sơn Dương.

- Cùng với sự cố gắng, phấn đấu nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong Công ty, chủ động trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, nên đã thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty được ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với người lao động, bảo toàn được vốn Nhà nước giao quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, phát triển được vốn rừng. Xây dựng Công ty ngày càng ổn định và phát triển.

Phân loại doanh nghiệp: An toàn về tài chính

Nơi nhận:

- Sở Tài chính TQ(B/cáo);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tiến Khanh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2016	Cùng kỳ năm 2017	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chi tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu	27.724,75	26.387,00	25.000,00	27.002,26	97,39	102,33	108,01
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu	27.724,75	26.387,00	25.000,00	27.002,26	97,39	102,33	108,01
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.239,22	28.711,30	27.138,00	30.554,82	108,20	106,42	112,59
2. Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.239,22	28.711,30	27.138,00	30.554,82	108,20	106,42	112,59
4. Giá vốn hàng bán	23.678,04	24.409,57	22.649,00	25.873,51	109,27	106,00	114,24
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.561,18	4.301,73	4.489,00	4.681,31	102,63	108,82	104,28
6. Doanh thu hoạt động tài chính	83,70	19,61	0,00	1,83	2,19	9,33	
7. Chi phí tài chính							
8. Chi phí bán hàng							

Nội dung	Cùng kỳ năm 2016	Cùng kỳ năm 2017	Thực hiện năm 2018		Biến động so với (tỷ lệ %)		
	[1]	[2]	Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm X-2	Cùng kỳ năm X-1	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5] = [4]/[1]	[6] = [4]/[2]	[7] = [4]/[3]
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.206,39	3.172,14	3.389,00	3.678,99	114,74	115,98	108,56
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.438,49	1.149,20	1.100,00	1.004,15	69,81	87,38	91,29
11. Thu nhập khác	35,57	44,38		119,14	3,35	2,68	
12. Chi phí khác	57,44			1,05	0,02		
13. Lợi nhuận khác	(21,87)	44,38		118,09	-5,40	2,66	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.416,62	1.193,58	1.100,00	1.122,24	79,22	94,02	102,02
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	327,38	238,72	220,00	224,66	68,62	94,11	102,12
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	1.089,24	954,86	880,00	897,58	82,40	94,00	102,00

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liên kế năm Báo cáo. Thông tin về chi tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Lập biểu

(Signature)

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng

(Signature)

Nguyễn Trung Thành

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp



(Signature)

Nguyễn Tiến Khanh

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chi tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế	119.283.637	981.466.225	961.650.147	139.099.715
- Thuế GTGT	102.598.075	223.925.497	262.084.117	64.439.455
- Thuế TNDN	16.733.077	224.660.260	166.733.077	74.660.260
- Thuế Xuất, nhập khẩu				0
- Thuế đất				0
- Các khoản thuế khác				0
2. Các khoản phải nộp khác				0
- Phí, lệ phí				0
- Các khoản phải nộp khác				0
+ Thuế TNCN	(47.515)	24.951.777	24.904.262	0
+ Thuế nhà đất. Tiền thuế đất		503.653.787	503.653.787	0
+ Các khoản khác		4.274.904	4.274.904	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định				

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: đồng

Chi tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
1. Quỹ Đầu tư phát triển	286.459.653	269.276.351		555.736.004
2. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	287.985.369	595.460.885	679.032.100	204.414.154
3. Quỹ thưởng VCQLDN	69.935.200	36.750.600	69.935.200	36.750.600
4. Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN				
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng)

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhà nước

Người lập biểu
(Ký)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Khanh

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

[Tên DN] Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Loại hình DN] Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

[illegible]

(Ky)

Spill

(Ky)

[Handwritten signature]

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Tiến Khanh

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương

Biểu 05B

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Tên doanh nghiệp	Tỷ suất Lợi nhuận/Vốn CSH			Kết quả xếp loại Doanh nghiệp	Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của VCQL	Xếp loại hoạt động VCQL Doanh nghiệp
		Kế hoạch	Thực hiện	% Thực hiện/Kế hoạch			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương	3,54	3,59	101,45	A	Tốt	Hoàn xuất sắc nhiệm vụ

Ghi chú : Tình hình chấp hành tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động của Viên chức quản lý được phân loại theo các mức độ: Thực hiện tốt, Không thực hiện tốt và theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Thành

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Tiến Khanh



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VỐN RA NGOÀI DOANH NGHIỆP NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

TT	Chi tiêu	Giá trị đầu tư (01/01/2018)	Phát sinh		Giá trị đầu tư 30/6/20.. hoặc 31/12/20..	Tỷ lệ vốn góp (%)	Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo	Tỷ lệ LN được chia trên vốn đầu tư (%)
			Tăng	Giảm				
1	2	3	4	5	6	7	8	(9)=(8)/(6)
A	Đầu tư vào ngành nghề kinh doanh chính							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác							
B	Đầu tư vào ngành nghề khác							
I	Đầu tư vào công ty con							
II	Đầu tư vào Công ty liên kết							
III	Đầu tư tài chính khác	131,63						

GHI CHÚ: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của công ty mẹ. Chi tiêu (8): Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của năm báo cáo căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp có vốn góp.

Lập biểu

Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Thành

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Tiến Khanh

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2017

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	24.873,72	25.143,00	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.587,26	24.587,26	
2. Quỹ Đầu tư phát triển	286,46	555,74	
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
B. Tổng tài sản	32.059,73	30.095,29	
C. Lợi nhuận sau thuế	954,86	897,58	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH(ROA)	3,84	3,57	X
1. Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản(ROE)	2,98	2,98	X

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành

Giám đốc doanh nghiệp




Nguyễn Tiến Khanh

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Dư cuối năm
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:	24.873,72tr.đ	tr.đ	tr.đ	25.142,99tr.đ
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.587,26tr.đ	tr.đ	tr.đ	24.587,26tr.đ
2. Quỹ Đầu tư phát triển	286,46tr.đ	269,28tr.đ	tr.đ	555,74tr.đ
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	tr.đ	tr.đ	tr.đ	tr.đ
B. Tổng tài sản	32.059,7tr.đ	tr.đ	1.964,44tr.đ	30.095,3tr.đ
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				

Thuyết minh tăng giảm quỹ trong năm (riêng các quỹ đặc thù được trích theo quy định của pháp luật phải giải trình cơ sở pháp lý, nguồn trích, cơ chế sử dụng).

- Quỹ đầu tư phát triển tăng do phân phối lợi nhuận sau thuế

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Kế toán Trưởng



Nguyễn Trung Thành

(Tổng) Giám đốc doanh nghiệp



Nguyễn Tiến Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

[Kỳ] Báo cáo: Năm 2018

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Phân loại doanh nghiệp		Ghi chú
					An toàn về TC	Mất an toàn về TC	
A	Tập đoàn						
B	Tổng công ty						
C	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương	30.675,79	1.122,24	961,65	X		

Kiểm nghị của Chủ sở hữu:

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đại diện chủ sở hữu



Nguyễn Thị Khánh Vân

Nguyễn Trung Thành

Nguyễn Tiến Khanh

